

Số 107/2026/QĐST- HNGĐ

Ninh Bình, ngày 18 tháng 6 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 178/2026/TLST- HNGĐ ngày 22/5/2026 về Xin ly hôn, nuôi con giữa:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh ngày 25/08/1997;

Số CCCD số: 0370970024xx cấp ngày 28/6/2021 của **Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;**

Địa chỉ: thôn I, xã K, tỉnh Ninh Bình;

Bị đơn: Chị Phạm Thị Lan A; sinh ngày 20/10/2003;

Số CCCD số: 0373030065xx ngày cấp 13/08/2021 của **Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;**

Nơi đăng ký thường trú: thôn I, xã K, tỉnh Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình; nơi ở hiện nay: xóm F, xã K, tỉnh Ninh Bình;

- Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 6 năm 2026.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị Lan A.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị Lan A đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng không thể cải thiện được nên thuận tình ly hôn.

Về con: Anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị Lan A 02 con chung là cháu Nguyễn Minh T1, sinh ngày 15/3/2022; cháu Nguyễn Ngọc Thu U, sinh ngày

20/3/2024. Hiện nay cả 02 cháu đang ở với anh T; nay ly hôn anh T và chị A đều thống nhất đề nghị giao cháu T1 và cháu U cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng là 2.000.000 đồng/cháu/tháng, kể từ tháng 6/2026 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

“Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; cha, mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con”.

Về con riêng: Không ai có con riêng.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị Lan A đều không đề nghị Tòa giải quyết.

Về công nợ chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị Lan A đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn T và chị Phạm Thị Lan A **thống nhất thỏa thuận anh T nộp toàn bộ án phí thuận tình ly hôn 150.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng. Tổng cộng phải nộp số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại cơ quan thi hành án theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/26 số 3743 ngày 20/5/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình.**

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án, người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất do bên được thi hành án và bên phải thi hành án thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình (1).
- VKSND khu vực 4- Ninh Bình (3).
- THADS tỉnh Ninh Bình. (1).
- UBND xã K;
- UBND xã K;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

Thẩm phán

(Đã ký)

Nguyễn Thị Bích Thủy